

Số: 636/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 563/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Hồ Thị Cẩm T, sinh năm 1997; HKTT: 309A P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; tạm trú: 66 N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1988; HKTT: Ấp 9, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 280 K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 7 năm 2023, bà Hồ Thị Cẩm T và ông Phạm Minh C thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Hồ Thị Cẩm Tiên và ông Phạm Minh Cường.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hồ Thị Cẩm T và ông Phạm Minh C cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017 ngày 26/7/2017 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Hồ Thị Cẩm T và ông Phạm Minh C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**Về con chung:** Hai bên xác nhận có một con chung tên Phạm Hồ Minh N, sinh ngày 09/11/2017. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông C, nếu bà T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**Về quan hệ tài sản:**

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

**Về lệ phí:**

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Hồ Thị Cẩm T và ông Phạm Minh C cùng chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T và ông C đã nộp theo Biên lai thu số 0006272 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh)

**THẨM PHÁN**

(ĐÃ KÝ)

**Trần Văn Chính**